TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/ DS -ST
Ngày: 26/7/2024
V/v "Tra chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn Minh
Bà Nguyễn Thị Vân A

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "Tra chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: A Trần Xuân H, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Dương Thị Hoàng A, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu A, xã Nga H, huyện Y, tỉnh P.

(A H đề nghị xét xử vắng mặt, chị A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa phía nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết với chị Dương Thị Hoàng A nên ngày 30/11/2022, a có cho chị Dương Thị Hoàng A vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) chẵn. Khi vay chị A và a có làm hợp đồng vay tiền. Chị A có ký vào hợp đồng vay

tiền đó. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/11/2023, lãi suất theo thỏa thuận là 0,75%/tháng. Kể từ khi vay đến nay chị A có thanh toán được cho anh khoảng 5 tháng tiền lãi đối với khoản tiền vay nói trên sau đó không thanh toán được cho anh khoản tiền gốc và tiền lãi nào nữa.

Đến ngày 14/9/2023, chị A có hỏi vay của a số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), chị A hỏi vay tiền của a và đề nghị chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của chị tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chị có nhắn tin cho a và nói chỉ vay vài ngày sẽ trả nên giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất gì. Đối với khoản vay này chị A không trả được cho a khoản tiền gốc và lãi nào.

Như vậy, tổng số tiền chị A đã vay của a là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Kể từ khi vay đến nay chị A chỉ trả được cho a khoản tiền lãi mấy tháng của khoản vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) còn không trả được cho a khoản tiền gốc và tiền lãi nào khác. Sau đó a có đòi chị A nhiều lần nhưng chi A không nghe máy cũng không có mặt tại địa phương, cố ý lẩn tránh nên a đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P buộc chị Dương Thị Hoàng A phải tha toán cho a khoản tiền gốc đã vay a là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), a không đề nghị tính lãi.

Bị đơn là chị Dương Thị Hoàng A không có mặt tại địa phương, Tòa án đã đã thu thập chứng cứ và đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt trên phương tiện thông tin đại chúng cụ thể Báo Công lý đã nhắn tìm trên ba số báo liên tiếp: 44, 45, 46 vào các ngày 31/5/2024; 05/6/2024 và 07/6/2024; Đài tiếng nói Việt Nam đã phát thông tin tìm kiếm vào các ngày 31/5/2024 và ngày 01,02/6/2024 và cổng thông tin điện tử của Tòa án nhưng chị Dương Thị Hoàng A vẫn không đến Tòa án để làm việc nên không có quan điểm của mình tại tòa.

Ngày 23/4/2024, nguyên đơn đã đề nghị trưng cầu chữ ký, chữ viết của chị Dương Thị Hoàng A. Tòa án đã trưng cầu chữ ký, chữ viết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của a Trần Xuân H đối với chị Dương Thị Hoàng A.

- Buộc chị Dương Thị Hoàng A phải trả cho a Trần Xuân H số tiền gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

- Về chi phí tố tụng: Buộc chị Dương Thị Hoàng A có trách nhiệm hoàn trả lại cho a Trần Xuân H số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Hoàng A phải chịu 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Hoàn lại cho a Trần Xuân H số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: A Trần Xuân H khởi kiện đòi chị Dương Thị Hoàng A phải trả số tiền gốc mà chị Dương Thị Hoàng A đã vay của a là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn) nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Nga Hoàng, huyện Y, tỉnh P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tra chấp nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P.

Về sự có mặt của đương sự: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giải quyết theo quy định pháp luật. Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định chị Dương Thị Hoàng A không có mặt tại địa phương mà việc niêm yết công khai không đảm bảo cho chị Dương Thị Hoàng A nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nên căn cứ vào Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiện thông tin đại chúng; trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Dương Thị Hoàng A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên toà nhưng vắng mặt tại phiên toà nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Dương Thị Hoàng Ạnh là phù hợp.

Đối với a Trần Xuân H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng a có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt a Trần Xuân H là phù hợp

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở căn cứ vào bản tự khai của các đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do

đương sự cung cấp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về khoản tiền vay: Việc chị Dương Thị Hoàng A có vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) của a Trần Xuân H là có thật. Mặc dù chị Dương Thị Hoàng A không đến Tòa án theo giấy báo của Tòa án nên không thể hiện lời khai của mình nhưng theo đề nghị của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập tài liệu chứng cứ lấy tài liệu có chữ ký, chữ viết của chị Dương Thị Hoàng A để giám định (tài liệu được trích từ hồ sơ giải quyết vụ án giải quyết ly hôn thụ lý số 198 ngày 07/12/2022 của Toà án nhân dân huyện Y, giữa chị A và chồng là a Trịnh Phú Luận). Tại bản kết luận giám định số 626/KLGĐ –KTHS ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: Chữ ký đứng tên Dương Thị Hoàng A và các chữ "Dương Thị Hoàng A" dưới mục "Đại diện bên B" trên "Hợp đồng cho vay tiền" ngày 30/11/2022 mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Thị Hoàng A trên "Bản tự khai; Bản tự khai của đương sự" ngày 07/12/2022; 06/02/2023 mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) và chữ ký, chữ viết dưới mục "Các đương sự tham gia phiên tòa; Người giao trên "Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải; biên bản giao biên bản của Tòa án" ngày 09/02/2023 mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4,M5) là do cùng một người viết ra.

Từ những căn cứ trên có thể khẳng định: Chữ ký trong hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2022 đối với khoản tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) giữa a H và chị A là của chị Dương Thị Hoàng A.

Đối với khoản vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), a Trần Xuân H đã chuyển khoản cho chị A vay. A Trần Xuân H đã xuất trình được giao dịch chuyển tiền, nội dung tin nhắn giữa a và chị Dương Thị Hoàng A. Hơn nữa, qua biên bản xác minh của Tòa án tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Y, tỉnh P xác định ngày 14/9/2023, a Trần Xuân H có chuyển tiền từ tài khoản của a H đến tài khoản số 2716205166969 của chị Dương Thị Hoàng A mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Y, tỉnh P số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) có đủ cơ sở khẳng định chị Dương Thị Hoàng A có nhận số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của a Trần Xuân H là có thật.

Tổng số tiền chị Dương Thị Hoàng A vay của a Trần Xuân H là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Như vậy, khi các bên ký kết giao dịch dân sự đó đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía nguyên đơn cho rằng đã đòi nhiều lần nhưng chị Dương Thị Hoàng A chưa trả được cho a khoản tiền gốc nào. Phía chị Dương Thị Hoàng A đã được thông báo hợp lệ trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia phiên tòa xong không đến Tòa để thể hiện quan điểm của mình về việc

đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho a Trần Xuân H. Từ các căn cứ trên, buộc chị Dương Thị Hoàng A phải trả cho a Trần Xuân H số tiền gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

Về lãi suất: A Trần Xuân H xác định chị Dương Thị Hoàng A chỉ trả được cho a khoảng 5 tháng tiền lãi đối với khoản nợ ngày 30/11/2022, sau đó không trả được cho a khoản tiền lãi nào khác. Nay a Trần Xuân H không đề nghị tính lãi với các khoản nợ này của chị Dương Thị Hoàng A nữa nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của a Trần Xuân H được chấp nhận nên cần buộc chị Dương Thị Hoàng A phải hoàn trả cho a Trần Xuân H số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu của a Trần Xuân H được chấp nhận nên a H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006367 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh P.

Chị Dương Thị Hoàng A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 102, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 180, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của a Trần Xuân H đối với chị Dương Thị Hoàng A.

1. Buộc chị Dương Thị Hoàng A phải trả cho a Trần Xuân H số tiền gốc là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Dương Thị Hoàng A có trách nhiệm hoàn trả lại cho a Trần Xuân H số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Hoàng A phải chịu 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Hoàn lại cho a Trần Xuân H số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006367 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh P.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang